

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P11+BK10	7:25	12+6+0	0+0+0		10+2+4	0+0+0	
2		P8+MRM+BK6	9:25	4+8+3	0+0+0		0+6+0	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/05/2023	TO: MRM - P11 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cuong -	ETA: 09:20
VANG-1		PTUÂN	

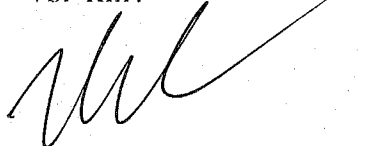
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEREVYANKO ARTEM	MRM	61	1	12		81	AMNGR	Russian
2	SUKHANOV EGOR	MRM	71	1	12		102	AMNGR	Russian
3	TARANENKO ALEKSEI	MRM	70	1	9		121	AMNGR	Russian
4	ILMENTEV ANDREI	MRM	62	1	16		67	AMNGR	Russian
5	DEREVIANKO NIKOLAI	MRM	69	1	7		90	AMNGR	Russian
6	MANAKOV DENIS	MRM	75-76	2	15		85	AMNGR	Russian
7	KVATERA ANDREI	MRM	65-66	2	15		100	AMNGR	Russian
8	MOSHKIN SERGEI	MRM	73-74	2	19		76	AMNGR	Russian
9	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	64	1	14		77	AMNGR	Russian
10	RULEV SEMEN	MRM	67	1	10		106	AMNGR	Russian
11	NIKULIN DENIS	MRM	63,68	2	14		139	AMNGR	Russian
12	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	72	1	8		101	AMNGR	Russian
13	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	P11	97-98	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DŨNG	P11	96	1	12		81	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ PHƯƠNG VIỆT ANH	P11	99-100	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU CHÍNH	P11	62	1	18		61	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TÚ	P11	92-93	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	P11	94-95	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN TIEN CUONG	P11	61	1	4		57	PSV	Vietnamese
20	NGO TUAN HUNG	BK10	79	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

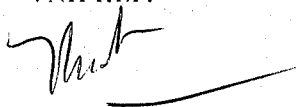
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	16	151	1.145	0	10		
2	P11	7	11	103	466	0	2		
3	BK10	1	1	2	55	0	9		
TOTAL		20	28	256	1.666	0	21		
WEIGHT KG				256	1.666	0			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/05/2023	TO: P8 - MRM - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - THỤ	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG SINH	P8	700	1	8		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN NAM HAI	P8	46,74	2	15		82	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN CHI LINH	P8	99	1	15		81	DVL	Vietnamese
4	PHAN THANH TINH	P8	75-76	2	15		67	DVL	Vietnamese
5	KARAVKA ANTON	MRM	86	1	12		88	AMNGR	Russian
6	SHURUPOV PAVEL	MRM	92	1	5	20	91	AMNGR	Russian
7	CHERNIATEV KIRILL	MRM	87-88	2	15		78	AMNGR	Russian
8	SHOKHIN IGOR	MRM	89-90	2	11		107	AMNGR	Russian
9	PEREKRESTOV P.V.	MRM	10	1	7		108	D-HANH	Russian
10	GASUKHA V.I.	MRM	23	1	8		97	D-HANH	Russian
11	GILEMKHANOV R.R.	MRM	84	1	7		83	KHOAN	Russian
12	PHAM NGOC QUAN	MRM	85	1	5		74	PSV	Vietnamese
13	HOANG HUU VINH QUY	BK6	06	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
14	LE VAN NINH	BK6	04-05	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
15	PHAM HOANG	BK6	07-09	3	15		62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	4	6	53	300	0	1		
2	MRM	8	10	70	726	20	6		
3	BK6	3	6	45	202	0	0		
TOTAL		15	22	168	1.228	20	7		
WEIGHT KG				168	1.228	20			

GRAND TOAL: 1.416 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN